

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/3/2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Hòa.

Bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 467/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Văn K, sinh ngày 18/8/1989,

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số H V, Lộ C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người được anh K ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Anh Nguyễn Sỹ A, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số E N, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/12/1989,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số H V, Lộ C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Vũ Văn K trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 31/8/2011. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu nhưng càng về sau càng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, lối sống, mâu thuẫn về kinh tế, nợ nần. Năm 2016 anh chị sang Đài Loan làm việc, đến năm 2018 anh chị cùng về nước, sau đó chị trở lại Đài Loan làm việc cho đến nay. Từ năm 2018 vợ chồng không sống cùng nhau, tình cảm không được như trước, chị T đã có cuộc sống mới, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Tuyết .

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Trà M, sinh ngày 21/7/2012, hiện con đang ở với anh. Anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh K đang bận công việc nên anh ủy quyền cho anh Nguyễn Sỹ A thay anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt

Do anh K không cung cấp được địa chỉ của chị T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị T. Ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Hoàng Thị P (là bố, mẹ đẻ chị T) trình bày: Ông, bà không biết địa chỉ cụ thể của chị T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị T vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị T biết, thông qua liên lạc chị T có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay anh K có đơn xin ly hôn, chị T hoàn toàn nhất trí. Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung như anh K trình bày là đúng, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Vũ Trà M cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho ông T1, bà P thay chị chăm sóc con chung cho đến khi chị về nước. Tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của anh K và chị T là cháu Vũ Trà M có nguyện vọng được ở với anh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn K ly hôn chị Nguyễn Thị Tuyết . Về con chung: Giao con chung Vũ Trà M, sinh ngày 21/7/2012 cho anh K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh K phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Vũ Văn K hiện đang sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Nguyễn Thị T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở số H V, Lô C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương, hiện chị T đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị T, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T1 và bà P là bố mẹ đẻ chị T để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh K và chị T đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông T1, bà P vẫn liên lạc với chị T và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh K và chị T. Tại phiên tòa anh K vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn K và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 31/8/2011 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ

chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, năm 2016 anh chị cùng đi lao động tại Đài Loan, năm 2018 anh K về nước còn chị T tiếp tục sang Đài Loan làm việc. Do xa cách nên tình cảm vợ chồng không được mặn nồng như trước, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau, gia đình hai bên khuyên bảo hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị sống ly thân từ năm 2018, anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T. Thông qua gia đình chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh K xin ly hôn chị nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh K và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Văn K.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Vũ Văn K và chị Nguyễn Thị T có 01 con chung là Vũ Trà M, sinh ngày 21/7/2012. Anh K và chị T cùng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi) và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện con đang ở với anh K ổn định, con chung Vũ Trà M có nguyện vọng được ở với anh K vì đã quen với cuộc sống và môi trường hiện tại. Chị T không có mặt ở Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của anh K giao con chung Vũ Trà M cho anh K chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K, tạm thời không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nếu có căn cứ cho rằng anh K không có đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị T có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh K, chị T cùng xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Vũ Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn K ly hôn chị Nguyễn Thị Tuyết .

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Vũ Văn K chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Trà M, sinh ngày 21/7/2012 cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh K tạm thời không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0001273 ngày 24/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Nguyễn Sỹ A nộp thay). Anh K đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường